

KINH 39. CHŨNG TỬ¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có năm loại hạt giống. Năm loại đó là gì? Đó là, hạt giống từ rễ, hạt giống từ thân, hạt giống từ đốt², hạt giống tự rụng, hạt giống từ quả. Năm loại hạt giống này tuy không bị gián đoạn, không bị hư hoại, không bị mục thối, không bị trúng gió³, vừa chín, chắc hạt, có đất, nhưng nếu không có nước⁴, thì những loại hạt giống đó không thể sanh trưởng lớn mạnh được. Nếu những hạt giống mới vừa chín tới, chắc hạt này, tuy không bị gián đoạn, không bị hư hoại, không bị mục thối, không bị trúng gió, có nước, nhưng nếu không có đất, thì chúng cũng không sanh trưởng lớn mạnh được. Nếu những hạt giống mới vừa chín tới, chắc hạt này, mà không bị gián đoạn, không bị hư hoại, không bị mục thối, không bị trúng gió, có nước, có đất đầy đủ, thì những hạt giống này sẽ sanh trưởng lớn mạnh.

“Tỳ-kheo, năm loại hạt giống này được ví cho các thọ ấm cùng hiện hữu với thức. Đất được ví cho bốn thức trụ⁵. Nước được ví cho hỷ tham⁶. Bốn thủ⁷ vin bám nơi thức mà trụ. Bốn là những gì? Thức trụ ở trong sắc, vin bám sắc, hỷ tham được ướm nhuần, sanh trưởng lớn mạnh. Cũng vậy, thức trụ trong thọ, tưởng và hành, vin bám thọ, tưởng, hành, hỷ tham được ướm nhuần, sanh trưởng lớn mạnh.

1. Pāli, S. 22. 54. Bīja.
2. Năm loại giống theo Pāli: mūlabīja, từ rễ; khandhabīja, từ thân, aggabīja, từ cành, hay ngọn, phalubīja, từ đốt; bījabīja, từ hạt giống.
3. Pāli: avātāpahatāni, không bị làm hư bởi gió, nóng.
4. Bản Pāli: pathavī ca nāssa āpo ca nāssa, không có địa giới và không có thủy giới.
5. Tứ thức trụ -| ——. Pāli: catassa viññāṭṭhitiyo, bốn điểm lập cước, bốn sở y của thức.
6. Hỷ tham —-g. Pāli: nandirāga.
7. Tứ thủ -|—. Pāli; cattāri upādāni: kāmupādānam, ditṭhupādānam, sīlabbatupādānam, attavādūpadānam, dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã ngữ thủ. Xem D. 33. Saṅgīti.

“Tỳ-kheo, thức ở trong đó, hoặc đến, hoặc đi, hoặc hiện, hoặc mất, hoặc sanh trưởng lớn mạnh.

“Tỳ-kheo, nếu lia sắc, thọ, tưởng, hành mà thức có đến, có đi, có hiện, có mất, có sanh, thì chỉ có trên ngôn thuyết, chứ nếu hỏi đến thì sẽ không biết, càng làm cho si mê, vì không phải là cảnh giới.

“Đối với sắc giới mà lia tham. Khi đã lia tham rồi, sự trói buộc bởi ý sanh⁸ và sự ngưng trệ nơi sắc bị đoạn trừ⁹. Khi sự trói buộc bởi ý sanh¹⁰ và sự ngưng trệ nơi thức bị đoạn trừ rồi, thì sự vin bám bị cắt đứt¹¹. Khi sự vin bám bị cắt đứt rồi, thì thức cũng không còn chỗ trụ để sanh trưởng lớn mạnh trở lại. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng và hành giới¹² lia tham. Khi đã lia tham rồi, thì ý sanh xúc¹³ và sự ngưng trệ nơi hành bị đoạn trừ. Khi ý sanh xúc và sự ngưng trệ nơi hành bị đoạn trừ rồi, thì sự vin bám bị cắt đứt. Khi sự vin bám bị cắt đứt rồi, thì thức cũng không còn chỗ trụ để sanh trưởng lớn mạnh trở lại. Vì đã không sanh trưởng cho nên không tác hành¹⁴. Khi đã không tác hành, thì trụ vững¹⁵. Do an trụ vững mà tri túc. Do tri túc mà giải thoát.¹⁶ Do giải thoát mà đối với các thế gian không còn gì để thủ, không còn gì để chấp trước. Khi đã không còn gì để thủ và không còn gì để chấp trước, do đó tự mình giác ngộ Niết-bàn: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết sẽ không còn tái sanh đời sau nữa.’

“Ta nói thức này, không đi sang Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phía, trên, dưới. Nó không đi đến đâu cả, mà chỉ ngay trong đời hiện tại sẽ

8. Xem cht.20 kinh 64.

9. Ứ sắc phong trệ ———. Pāli: rūpupayaṃ, tiếp cận sắc, bị lôi kéo vào sắc, bị phong tỏa, vây khốn bởi sắc. Xem thêm cht.39 kinh 40.

10. Ý sanh, —N—A xem cht.20 kinh 64.

11. Phan duyên đoạn —k—t—_. Pāli: vocchijjatārammaṇaṃ, sở duyên bị đoạn trừ.

12. Hành giới ——. Pāli: saṅkhāradhātu.

13. Xem cht.20 kinh 64.

14. Tác hành —@—. Pāli: abhisāṅkhāra, hành vi, hành sử, tác động.

15. Pāli: viññānaṃ avirūḷhaṃ anabhisāṅkhāraṃ vimuttaṃ, thức không sanh trưởng, không tác hành, được giải phóng.

16. Pāli: vimuttattā ṭhitaṃ; ṭhitattā santusitaṃ; santusitattā na paritassati, do giải thoát mà trụ vững, do trụ vững mà thỏa mãn; do thỏa mãn mà không sợ hãi.

nhập Niết-bàn, tịch diệt, thanh lương, thanh tịnh, chân thật¹⁷.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 40. PHONG TRỆ¹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Phong trệ¹⁹, thì không giải thoát. Không phong trệ, thì được giải thoát.

“Thế nào là phong trệ không giải thoát?

“Tỳ-kheo, thức vin bám vào bốn thủ ấm mà trụ. Bốn là những gì? Thức bị phong trệ bởi sắc mà trụ. Cũng vậy, thức bị phong trệ bởi thọ, tưởng và hành mà trụ... cho đến chẳng phải là cảnh giới.²⁰ Đó gọi là phong trệ nên không giải thoát.

“Thế nào là không bị phong tỏa trì trệ, thì giải thoát?

“Đối với sắc giới ly tham; với thọ, tưởng, hành mà ly tham... cho đến thanh lương, thanh tịnh, chân thật. Đó gọi là không bị phong trệ, thì được giải thoát.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 41. NGŨ CHUYỂN²¹

Tôi nghe như vậy:

¹⁷. So sánh kinh 64.

¹⁸. Pāli, S. 22. 53. Upāya.

¹⁹. Phong trệ ——A phong tỏa và trì trệ, bị vây khốn. Pāli. upāyo và số giải: taṇhāmānadiṭṭhivasena pañcakkhandhe upagato, do thế lực của ái, mạn, kiến và bị hãm trong năm uẩn. Xem thêm cht.29 kinh 39.

²⁰. Xem kinh 39.

²¹. Pāli, S.22.56. Upādānaṃ parivaṭṭaṃ (Thủ chuyển).

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có năm thọ ấm. Đó là sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Ta đối với năm thọ ấm này, có năm như thật tri²². Như thật tri về sắc, về sự tập khởi của sắc, về vị ngọt của sắc, về tai hại của sắc và về sự xuất ly sắc. Cũng vậy, như thật tri về thọ, tưởng, hành, thức, về sự tập khởi của thức, về vị ngọt của thức, về tai hại của thức và về sự xuất ly thức.

“Thế nào là như thật tri về sắc? Những gì là sắc là tất cả bốn đại và sắc do bốn đại sanh ra. Đó gọi là sắc. Như vậy, như thật tri về sắc.

“Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của sắc? Đối với sắc mà có hỷ ái. Đó gọi là sự tập khởi của sắc. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của sắc.

“Thế nào là như thật tri về vị ngọt của sắc? Do duyên vào sắc mà sanh ra hỷ lạc. Đó gọi là vị ngọt của sắc. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của sắc.

“Thế nào là như thật tri về sự tai hại của sắc? Sắc là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của sắc. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của sắc.

“Thế nào là như thật tri về sự xuất ly sắc? Đối với sắc mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự xuất ly sắc. Như vậy, như thật tri về sự xuất ly sắc.

“Thế nào là như thật tri về thọ? Có sáu thọ thân. Thọ phát sanh từ nhãn xúc, thọ phát sanh từ tai, mũi, lưỡi, thân và ý xúc. Đó gọi là sáu thọ. Như vậy, như thật tri về thọ.

“Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của thọ? Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của thọ. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của thọ.

“Thế nào là như thật tri về vị ngọt của thọ? Hỷ lạc duyên vào sáu thọ mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của thọ. Như vậy, như thật tri về vị

²². Năm như thật tri về sắc: sắc —, sắc tập —, sắc vị —, sắc hoạn —w, sắc ly —. Pāli: Catuparivaṭṭam, bốn chuyển: rūpaṃ (sắc), rūpasamudāyam (sắc tập), rūpanrodham (sắc diệt), rūpanirodhayāminim paṭipadam (sắc diệt đạo tích).

ngọt của thọ.

“Thế nào là như thật tri về sự tai hại của thọ? Thọ là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là tai hại của thọ. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của thọ.

“Thế nào là như thật tri về sự xuất ly thọ? Đối với thọ mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là lìa thọ. Như vậy, như thật tri về sự lìa thọ.

“Thế nào là như thật tri về về tướng? Có sáu tướng thân. Tướng phát sanh bởi nhãn xúc; tướng phát sanh bởi tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc. Đó gọi là tướng. Như vậy, như thật tri về tướng.

“Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của tướng? Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của tướng. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của tướng.

“Thế nào là như thật tri về vị ngọt của tướng? Hỷ lạc do duyên vào tướng mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của tướng. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của tướng.

“Thế nào như thật tri về sự tai hại của tướng? Tướng là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của tướng. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của tướng.

“Thế nào là như thật tri về sự xuất ly tướng? Đối với tướng mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự lìa tướng. Như vậy, như thật tri về sự lìa tướng.

“Thế nào là như thật tri về sự hiện hữu của hành? Có sáu tư thân. Tư phát sanh bởi nhãn xúc. Tư phát sanh bởi tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc. Đó gọi là hành. Như vậy, như thật tri về hành.

“Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của hành? Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của hành. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của hành.

“Thế nào là như thật tri về vị ngọt của hành? Hỷ lạc do duyên vào hành mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của hành. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của hành.

“Thế nào gọi là như thật tri về sự tai hại của hành? Hành là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của hành. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của hành.

“Thế nào là như thật tri về sự xuất ly hành? Đối với hành mà

điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự xuất ly hành. Như vậy, như thật tri về sự xuất ly hành.

“Thế nào là như thật tri về thức? Có sáu thức thân. Thức của mắt, thức của tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó gọi là thức. Như vậy, như thật tri về thức.

“Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của thức? Sự tập khởi của sắc là sự tập khởi của thức. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của thức.

“Thế nào là như thật tri về vị ngọt của thức? Hỷ lạc do duyên vào thức mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của thức. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của thức.

“Thế nào là như thật tri về sự tai hại của thức? Thức là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của thức. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của thức.

“Thế nào là như thật tri về sự xuất ly thức? Đối với thức mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự lìa thức. Như vậy, như thật tri về sự xuất ly của thức.

“Tỳ-kheo, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào, đối với sắc mà biết như vậy, mà thấy như vậy, thì do biết như vậy, thấy như vậy người đó hưởng đến ly dục, đó gọi là chánh hưởng²³. Nếu người nào hưởng đến chân chánh, thì ta nói người đó đã được thể nhập²⁴. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào, đối với sắc mà biết như thật, thấy như thật; do biết như thật, thấy như thật, đối với sắc sanh yểm ly, ly dục, không khởi lên các lậu, tâm đạt được giải thoát. Nếu người nào đã đạt được tâm giải thoát, thì người đó thuần nhất²⁵. Người nào đã được thuần nhất, thì phạm hạnh đã lập. Người nào phạm hạnh đã lập,

²³. Chánh hưởng — 向 ; Pāli: sammāpaṭipanno, thực hành chân chánh. Bản Pāli: supāṭipanno, thiện hành, thực hành tốt, thiện xảo.

²⁴. Pāli: ye supṭipannā te imasmim dhammavinaye gādhanti, những ai thực hành chân chánh (*khéo thú hưởng*), những người ấy xác lập trong pháp và luật này.

²⁵. Thuần nhất — @. Pāli: kevalin, con người toàn thiện, đáng độc tôn.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

không còn bị ai khống chế²⁶. Đó gọi là biên tế của khổ²⁷. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

²⁶. Hán: ly tha tự tại 離捨自在.

²⁷. Khổ biên 苦邊. Pāli: dukkhānta, biên tế của khổ, sự chấm dứt của khổ.